TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04/10/2018
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Chuyển
Ông Nguyễn Văn Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: không tham gia.

Ngày 04/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXX-ST ngày 20/9/2018 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Anh Ngọ Văn T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang học tập tại Nhật Bản.

-Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng cho bị đơn anh Ngọ Văn T:

Ông Ngọ Văn C, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2018 và bản tự khai đề ngày 06/9/2018, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Ngọ Văn T kết hôn ngày 31/12/2014, trước khi kết hôn chị và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh T làm dâu ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Ngày 30/9/2015, anh T sang Nhật Bản du học. Thời gian đầu anh T thường xuyên gọi điện về hỏi thăm chị và gia đình. Nhưng do sống xa cách lâu ngày, vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau nên thường xuyên cãi nhau qua điện thoại, mâu thuẫn vợ chồng từ đó phát sinh. Cũng từ đó anh T dần dần ít gọi điện về nhà, vợ chồng cũng không còn thường xuyên liên lạc nữa. Khoảng tháng 3/2017, anh T có về Việt Nam nghỉ phép nửa tháng nhưng chỉ nhắn tin thông báo cho chị, anh T không gọi điện hay tìm gặp chị. Sau đó anh T lại quay lại Nhật Bản ngay. Vợ chồng cũng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm kinh tế từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Ngọ Văn T.

Về con chung**:** Vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về Tài sản, công nợ: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, đơn xin vắng mặt, Giấy ủy quyền (đều có xác nhận của đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Nhật Bản) bị đơn anh Ngọ Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn ngày 31/12/2014. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Vợ chồng anh đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn xong thì chị H về nhà anh, ở cùng gia đình anh. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Ngày 30/9/2015, anh đi Nhật Bản du học. Một ngày sau khi anh đi du học, chị H bỏ về nhà đẻ ở, lý do vì sao anh không rõ. Khi sang Nhật Bản du học, anh vẫn gọi điện về hỏi thăm vợ nhưng sau đó ít dần, nguyên nhân do vợ chồng sống xa cách lâu ngày, không hiểu và thông cảm cho nhau, vợ chồng anh thường xuyên cãi nhau qua điện thoại. Tháng 3/2017 anh có về Việt Nam nghỉ phép nửa tháng nhưng anh không tìm gặp chị H vì vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Sau đó anh sang Nhật Bản du học tiếp. Hiện nay anh vẫn đang du học tại Nhật Bản. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Về Tài sản, công nợ: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh đang du học tại Nhật Bản nên không thể về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị H và anh được. Vì vậy, anh đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị H và anh. Anh cũng ủy quyền cho ông Ngọ Văn C, sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho anh biết.

Tại đơn trình bày có xác nhận của chính quyền địa phương đề ngày 14/9/2018, ông Ngọ Văn C, sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang trình bày:

Ông đồng ý nhận ủy quyền của anh Ngọ Văn T và cam đoan sẽ thông báo lại cho anh T biết các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh trong vụ án Tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa chị H và anh.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Do chị H và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự và công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H và anh Ngọ Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H và anh T.

[2].Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn có đơn xin ly hôn bị đơn anh Ngọ Văn T. Anh Ngọ Văn T có hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay anh T đang du học tại Nhật Bản. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3].Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Ngọ Văn T kết hôn ngày 31 tháng 12 năm 2014. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn. Chị H và anh T có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Đây là Hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì chị H về nhà anh T làm dâu ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến 30/9/2015. Anh Ngọ Văn T sang Nhật Bản du học. Thời đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại hỏi thăm quan tâm nhau. Nhưng vì sống xa cách lâu ngày, vợ chồng

không hiểu và cảm thông cảm cho nhau, nên thường xuyên cãi vã qua điện thoại. Từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và dần dần ít liên lạc với nhau. Đến tháng 3/2017 anh T về Việt Nam nghỉ phép cũng không gọi điện hay tìm gặp chị H vì vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm từ đó đến nay. Cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh T, anh T cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H và anh T được ly hôn.

[4].Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5].Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6].Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Ngọ Văn T.

2.Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2012/07484 ngày 06/9/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ.

Chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Ngọ Văn T hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-Các đương sự;
-UBND xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền